



Flashcardo.com

Ми сподіваємося, що ці картки для друку будуть для вас корисними. Щоб знайти ще більше карток, перейдіть на наш сайт www.flashcardo.com/uk. На Flashcardo.com ми надаємо онлайн-картки, картки з повторенням із інтервалами, відео-картки та багато іншого. Усе безкоштовно та готове до використання учнями з усього світу.

Авторське право, ліцензійні примітки

Цей PDF захищений законом про авторське право, і всі права застережені. Ви можете вільно ділитися цим PDF з будь-ким. Однак вам не дозволяється продавати цей PDF або його вміст. Якщо у вас є запитання, будь ласка, перейдіть на www.flashcardo.com/uk, щоб зв'язатися з нами. Дякуємо!

Відмова від відповідальності

ЦЕЙ PDF НАДАЄТЬСЯ «ЯК Є», БЕЗ ЖОДНИХ ГАРАНТІЙ БУДЬ-ЯКОГО ВИДУ, ЯВНИХ ЧИ НЕЯВНИХ, ВКЛЮЧАЮЧИ, АЛЕ НЕ ОБМЕЖУЮЧИСЬ ГАРАНТІЯМИ КОМЕРЦІЙНОЇ ЦІННОСТІ, ПРИДАТНОСТІ ДЛЯ ПЕВНОЇ МЕТИ ТА ВІДСУТНОСТІ ПОРУШЕНЬ. У ЖОДНОМУ ВИПАДКУ АВТОРИ АБО ВЛАСНИКИ АВТОРСЬКИХ ПРАВ НЕ НЕСУТЬ ВІДПОВІДАЛЬНОСТІ ЗА БУДЬ-ЯКІ ПОЗОВИ, ЗБИТКИ АБО ІНШУ ВІДПОВІДАЛЬНІСТЬ, ЧИ ТО В РЕЗУЛЬТАТІ ДОГОВОРУ, ДЕЛІКТУ ЧИ ІНШИХ ПІДСТАВ, ЩО ВИНИКЛИ З PDF, ЙОГО ВИКОРИСТАННЯ АБО ІНШИХ ДІЙ ІЗ НИМ.

Авторське право © 2025 Flashcardo.com. Усі права захищені

Двосторонній друк

Зверніть увагу, що ці картки призначені для двостороннього друку. Якщо ваш принтер не підтримує двосторонній друк, будь ласка, завантажте PDF-файли з окремими картками для друку.

ОСНОВИ

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ВІН

ТИ

Я

МИ

ВОНО

ВОНА

ЩО

ВОНИ

ВИ

ЧОМУ

ДЕ

ХТО

КОЛИ

ЯКИЙ

ЯК

ДІЙСНО

ЯКЩО

ТОДІ

НЕ

ТОМУ ЩО

АЛЕ

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

всі

той

цей

тут

і

або

правий

лівий

там

ранок

після обіду

зараз

вечір

ранок

ніч

година

північ

полудень

день

секунда

хвилина

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

рік

місяць

тиждень

завтра

сьогодні

вчора

середа

вівторок

понеділок

субота

п'ятниця

четвер

чоловік

жінка

неділя

дівчина

хлопець

кохання

секс

поцілунок

друг

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

хлопчик

дівчина

дитина

мати

тато

мама

син

батьки

батько

молодший брат

молодша сестра

дочка

чоловік

старший брат

старша сестра

завжди

кожний

дружина

вже

знову

насправді

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

більше

найбільше

менше

зовні

дуже

жоден

близький

далекий

всередині

поруч

над

під

кожен

задній

передній

весна

інший

разом

зима

осінь

літо

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

березень

лютий

січень

червень

травень

квітень

вересень

серпень

липень

грудень

листопад

жовтень

південь

схід

північ

негайно

часто

захід

хоча

раптом

Числа

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Дієслова

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

приходити

думати

знати

знаходити

брати

класти

розмовляти

працювати

слухати

допомагати

любити

давати

чекати

телефонувати

кохати

закривати

сидіти

стояти

вигравати

програвати

відкривати

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

вмикати

жити

вмирати

травмувати

вбивати

вимикати

пити

дивитися

доторкатися

зустріти

ходити

їсти

слідувати

поцілувати

битися об заклад

запитувати

відповідати

одружуватись

натискати

штовхати

тягнути

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

битися

ловити

бити

читати

бігати

кидати

рахувати

ремонтувати

писати

купувати

продавати

вирізати

мріяти

вчитися

платити

святкувати

грати

спати

стріляти

чистити

насолоджуватися

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

красти

атакувати

захищати

літати

рятувати

горіти

кусати

бити

плювати

плакати

нюхати

дихати

сміятися

посміхатися

співати

сперечатися

морщитися

рости

ховати

годувати

ділитися

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

стрибати

плавати

попереджувати

доставляти

копати

піднімати

подорожувати

практикуватися

шукати

замикати

відчиняти

малювати

готувати

молитися

мити

цитувати

кричати

блювати

заробляти

розраховувати

друкувати

Прикметники

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

мало

старий

новий

правильний

неправильний

багато

щасливий

хороший

поганий

маленький

довгий

короткий

молодий

прекрасний

великий

чорний

білий

старий

зелений

синій

червоний

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

швидкий

повільний

жовтий

справедливий

несправедливий

кумедний

багатий

легкий

важкий

слабкий

сильний

бідний

гордий

втомлений

безпечний

здоровий

хворий

ситий

високий

низький

сердитий

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

м'який

кислий

солодкий

тупий

милий

твердий

високий

зайнятий

божевільний

здивований

стурбований

низький

розумний

злий

гречний

помаранчевий

спекотний

холодний

рожевий

коричневий

сірий

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

легкий

важкий

нудний

спраглий

голодний

самотній

плоский

крутий

сумний

глибокий

широкий

вузький

брудний

величезний

мілкий

порожній

повний

чистий

сексуальний

дешевий

коштовний

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

щедрий

сміливий

лінивий

гучний

сухий

мокрый

дощовий

сонячний

тихий

хмарний

туманний

Спорт

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

біг

теніс

гімнастика

футбол

гольф

велоспорт

дайвінг

плавання

баскетбол

тріатлон

марафон

пішохідний туризм

бокс

важка атлетика

настільний теніс

сноубординг

фігурне катання

бадмінтон

хокей

лижні перегони

лижний спорт

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

пляжний волейбол

гандбол

волейбол

бейсбол

крикет

регбі

стрибки у воду

водне поло

американський футбол

веслування

вітрильний спорт

серфінг

скайдайвінг

танці

йога

боулінг

покер

шахи

балет

Тварини

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

кінь

корова

свиня

мавпа

вівця

собака

курка

ведмідь

кішка

бджола

метелик

качка

змія

павук

риба

кролик

миша

тигр

слон

віслук

лев

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

комар

жук

голуб

кит

мураха

муха

равлик

дельфін

акула

білий ведмідь

панда

жаба

кенгуру

коала

вовк

бегемот

лисиця

жирафа

лебідь

крук

кажан

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

пінгвін

сова

чайка

бабка

гусениця

папуга

морський коник

восьминіг

кальмар

краб

медуза

тюлень

крокодил

черепаха

динозавр

Країни

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Америка

Азія

Європа

Іспанія

Велика Британія

Африка

Франція

Італія

Швейцарія

Сінгапур

Таїланд

Німеччина

Ізраїль

Японія

Росія

Сполучені Штати Америки

Китай

Індія

Чилі

Канада

Мексика

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Південно-Африканська Республіка

Аргентина

Бразилія

Лівія

Марокко

Нігерія

Єгипет

Алжир

Кенія

Австралія

Нова Зеландія

Тіло

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

волосся

ніс

голова

око

вухо

рот

серце

ступня

рука

зад

шия

мозок

нога

коліно

плече

груди

живіт

рука

язик

зуб

спина

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

палець ноги

палець

губа

печінка

легені

шлунок

кишечник

нирка

нерв

щока

підборіддя

лоб

мізинець

великий палець

борода

вказівний палець

середній палець

безіменний палець

хребет

п'ята

ніготь

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

скелет

кістка

м'яз

сечовий міхур

хребець

ребро

вагіна

артерія

вена

яєчко

пеніс

сперма

Будинок

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

ванна кімната

кухня

двері

сад

спальня

вітальня

підвал

стіна

гараж

дах

сходи

туалет

чашка

ніж

вікно

чашка

тарілка

склянка

письмовий стіл

миска

сміттєвий бак

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

душ

дзеркало

ліжко

годинник

картина

диван

сусід

стілець

стіл

горище

балкон

ліфт

палички для їжі

дерев'яна ложка

димар

виделка

ложка

столові прилади

каструля

горщик

черпак

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

занавіска

книжкова полиця

лампочка

ковдра

подушка

матрац

шафа

шухляда

полиця

ваги

віник

відро

банний рушник

ванна

кошик для білизни

рушник

туалетний папір

мило

поштова скринька

драбина

умивальник

hàng rào



Їжа

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

молоко

сир

яйце

кістка

м'ясо

риба

цукор

хліб

олія

торт

цукерка

шоколад

чай

кава

вода

салат

вино

пиво

сніданок

десерт

суп

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

піца

вечеря

ланч

йогурт

масло

морозиво

шинка

лосось

тунець

індичатина

ковбаса

бекон

свинина

яловичина

курятина

гриб

гарбуз

баранина

цибуля

часник

трюфель

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

батат

баклажан

імбир

перець чілі

огірок

морква

картопля

цибуля городня

перець

броколі

капуста

цвітна капуста

бамбук

шпинат

салат

горох

селера

кукурудза

яблуко

груша

біб

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dưa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

фінік

інжир

маслина

фундук

мигдаль

кокос

манго

банан

арахіс

ананас

авокадо

ківі

цукрова диня

виноград

кавун

полуниця

чорниця

малина

абрикос

слива

вишня

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

грейпфрут

лимон

персик

м'ята

помідор

апельсин

ваніль

кориця

цимбопгон

карі

чорний перець

сіль

оцет

тофу

тютюн

борошно

соєве молоко

локшина

пшениця

овес

рис

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

мед

горіх

соя

млинець

жувальна гумка

варення

кекс

пудинг

печиво

апельсиновий сік

енергетичний напій

пончик

кока-кола

молочний коктейль

яблучний сік

ром

коктейль

гарячий шоколад

меню

горілка

віскі

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

суші

спагетті

морепродукти

курячі крильця

чіпси

попкорн

майонез

гірчиця

картопля фрі

хот-дог

сандвіч

кетчуп

бургер

Школа

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

домашнє завдання

бібліотека

книга

природничі науки

урок

екзамен

ручка

мистецтво

історія

другий

перший

олівець

дослідження

четвертий

третій

словник

спортивний майданчик

ступінь

геометрія

зошит

семестр

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

економіка

філософія

політика

математика

біологія

фізична культура

хімія

література

географія

гумка

лінійка

фізика

клей

скотч

ножиці

3%

скріпка для паперу

кулькова ручка

кубічний метр

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

метр

миля

квадратний метр

дециметр

сантиметр

міліметр

множення

віднімання

додавання

об'єм

площа

ділення

трикутник

квадрат

прямокутник

мілілітр

літр

коло

грам

кілограм

тонна

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

воронка

мікроскоп

магніт

лекція

лабораторія

Природа

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

алмаз

вогонь

попіл

зірка

сонце

Місяць

озеро

узбережжя

планета

пагорб

пустеля

ліс

долина

річка

камінь

океан

острів

гора

сніг

лід

море

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

вітер

дощ

шторм

троянда

трава

дерево

грунт

метал

квітка

пісок

вугілля

лава

супутник

ракета

глина

континент

астероїд

галактика

Північний полюс

Південний полюс

екватор

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

печера

тропічний ліс

струмок

льодовик

берег

водоспад

вулкан

кратер

землетрус

туман

повінь

атмосфера

блискавка

грім

веселка

тайфун

температура

гроза

гілка

хмара

ураган

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

стовбур

корінь

листок

вуглекислий газ

пластик

насіння

кисень

залізо

атом

срібло

золото

Транспорт

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

поїзд

автобус

автомобіль

літак

автобусна зупинка

залізнична станція

велосипед

вантажівка

корабель

світлофор

таксі

мотоцикл

акумулятор

дорога

парковка

кермо

подушка безпеки

двигун

багажник

шина

ремінь безпеки

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

метро

каса

квитковий автомат

трамвай

локомотив

швидкісний поїзд

аеропорт

мікроавтобус

шкільний автобус

перший клас

гелікоптер

авіакомпанія

рятувальний жилет

бізнес-клас

економ-клас

круїзний лайнер

підводний човен

контейнер

паром

яхта

контейнеровоз

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

радар

рятувальна шлюпка

порт

заправка

тротуар

вуличне освітлення

затор

пішохідний перехід

будівельний майданчик

екскаватор

танк

автомагістраль

моторолер

причіп

трактор

канатна дорога

Місто

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

будинок

школа

лікарня

супермаркет

ринок

рахунок

ферма

університет

квартира

бар

ресторан

церква

туалет

парк

фітнес-центр

поліція

швидка допомога

карта

передмістя

країна

пожежники

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

торговий центр

гарантія

село

замок

хмарочос

аптека

храм

синагога

посольство

мерія

мечеть

завод

нічний клуб

фонтан

пошта

футбольний стадіон

поле для гольфу

лавка

інформація для туристів

тенісний корт

басейн

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

музей

художня галерея

казино

акваріум

сувенір

національний парк

аквапарк

американські гірки

водяна гірка

аварійний вихід

дитячий майданчик

зоопарк

поліцейська дільниця

вогнегасник

пожежна тривога

столиця

область

штат

Лікарня

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

хірургія

пацієнт

нещасний випадок

кашель

гарячка

таблетка

приймальня

відділення інтенсивної
терапії

пункт швидкої допомоги

термін придатності

снодійне

аспірин

побічний ефект

сироп від кашлю

дозування

капсула

порошок

інсулін

антибіотики

знеболювальне

вітамін

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chợt rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

серцевий напад

вірус

бактерія

інсульт

діабет

діарея

грип

рак

астма

біль у горлі

сонячний опік

зубний біль

алергія

інфекція

біль у животі

шприц

головний біль

судом

ультразвуковий апарат

рентген

милиця

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

гіпсова пов'язка

інвалідна коляска

пластир

надзвичайна ситуація

травма

пульс

перелом

опік

струс мозку

тест на вагітність

протизаплідна таблетка

Професії

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

поліцейський

медсестра

доктор

детектив

капітан

президент

вчитель

професор

льотчик

асистент

секретарка

юрист

кухар

менеджер

суддя

модель

водій автобуса

таксист

аптекарь

прем'єр-міністр

художник

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

підприємець

стоматолог

пожежник

стюардеса

програміст

політик

архітектор

вихователь дитячого садка

вчений

прокурор

консультант

бухгалтер

орендодавець

особистий охоронець

генеральний менеджер

солдат

охоронець

офіціант

сантехнік

прибиральник

рибалка

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

портъе

фермер

електрик

перукар

касир

листоноша

фотограф

журналіст

автор

музикант

співак

рятувальник

тренер

репортер

актор

рефері

Бізнес

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

стрес

офіс

гроші

відділ

персонал

страхування

лист

адреса

зарплата

електронна адреса

URL-адреса

номер телефону

підпис

електронна пошта

веб-сайт

клієнт

прибуток

збиток

пароль

кредитна картка

сума

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

конференц-зал

податок

банкомат

відділ кадрів

відділ інформаційних технологій

візитка

маркетинг

бухгалтерія

юридичний відділ

роботодавець

колега

продаж

презентація

записка

працівник

проектор

штамп

папка з файлами

конверт

марка

пакунок

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

фондова біржа

інвестиція

браузер

відсоток

монета

банкнота

банківський рахунок

номер рахунку

позика

Пристрої

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

камера

телевізор

телефон

кондиціонер

вентилятор

радіо

пилосос

тостер

кавоварка

посудомийна машина

чайник

фен

мікрохвильова піч

духовка

плита

пульт дистанційного керування

пральна машина

холодильник

клавіатура

миша

наушник

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

сканер

флешка

жорсткий диск

ноутбук

экран

принтер

гучномовець

робот